

Bản án số: 75/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2025
V/v tranh chấp về Hôn nhân
và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Hoàng Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hào - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nông Thị K**, sinh năm 20xx; Nơi thường trú: Thôn L, xã Đ, tỉnh Hưng Yên; Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Cao T**, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

(Chị K và anh T đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn là chị Nông Thị K trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Cao T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (Nay là UBND xã Đ, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 22/9/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ bình thường tại gia đình nhà anh T ở xã T đến đầu tháng 8/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung về vun vén kinh tế cũng như chăm sóc con chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên khuyên bảo động viên nhưng anh T không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 8/2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể trở lại đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 01/10/20xx và Nguyễn Cao Huy D, sinh ngày 12/9/20xx, hiện cả hai con chung đang ở cùng chị. Chị đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

** Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Duy S, sinh năm 19xx; Trú tại: Thôn L, xã Đ, tỉnh Hưng Yên là ông ngoại của anh Nguyễn Cao T, nội dung lời khai của ông Soạn xác nhận anh T và chị K tự nguyện kết hôn được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và anh chị đăng ký kết hôn vào năm 2018. Sau khi kết hôn quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn nên đã nhiều lần chị K muốn ly hôn anh T nhưng anh T không muốn ly hôn, sau đó chị K đã về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Lạng Sơn sinh sống còn anh T gửi 02 con của anh chị nhờ ông chăm sóc, anh T đi làm ăn và ở trọ tại Diêm Điền nhưng địa chỉ cụ thể ở chỗ nào ông không biết. Khoảng 3 tháng trước đây, khi con anh T còn ở cùng ông thì anh T vẫn về nhà ông nhưng sau khi chị K về đưa con đi và anh T biết việc chị K xin ly hôn thì anh T bỏ mặc và không về nhà ông nữa mà chỉ liên lạc với ông bằng điện thoại khi có việc cần thiết. Chị K và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 01/10/20xx và Nguyễn Cao Huy D, sinh ngày 12/9/20xx, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị K. Chị K và anh T không có tài sản chung và nợ chung. Do anh T đi làm không thường xuyên ở nhà nên ông đồng ý nhận các văn bản của Tòa án và cam kết giao lại cho anh T.*

** Tại đơn đề nghị của cháu Nguyễn Thị Yến N trình bày: Bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ.*

** Tại biên bản xác minh ở địa phương ngày 24/10/2025, đại diện chính quyền xã Đ, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Anh Nguyễn Cao T có nơi cư trú tại xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Nay là xã Đ, tỉnh Hưng Yên). Chị K và anh T tự nguyện kết hôn tại UBND xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Nay là xã Đ, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 22/9/20xx. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị K và anh T do tính tình không hợp, ngoài ra còn nguyên nhân nào khác địa phương không nắm rõ, chỉ thấy sau khi kết hôn chị K và anh T chung sống với nhau ở nhà anh T sau đó đến khoảng giữa năm 2022 đến nay không thấy anh chị chung sống cùng nhau ở địa phương nữa, chị K đã về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Lạng Sơn để sinh*

sống, vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Anh T vẫn có nơi cư trú ở xã Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên, anh T đi lao động tự do, một thời gian làm ở Công ty Liên Hà Thái, thi thoảng vẫn đi đi về về địa phương và ở nhà ông ngoại anh là ông Nguyễn Duy Soạn vì trước đây 02 con của anh T do ông Soạn chăm sóc. Chị K và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 01/10/20xx và Nguyễn Cao Huy D, sinh ngày 12/9/20xx, từ tháng 7/2025 chị K đã đón 02 con về nhà ông bà ngoại ở tỉnh Lạng Sơn để nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Địa phương không nắm rõ, không thấy cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào ý kiến về việc anh chị vay nợ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày là từ bỏ quyền của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án xử cho chị Nông Thị K được ly hôn anh Nguyễn Cao T; giao cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 01/10/20xx và Nguyễn Cao Huy D, sinh ngày 12/9/20xx, chấp nhận việc chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; chị K không yêu cầu chia tài sản nên không giải quyết; chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nông Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt, còn anh Nguyễn Cao T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị K và anh T.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về yêu cầu ly hôn: Chị K và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Nay là UBND xã Đ, tỉnh Hưng Yên) và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 22/9/2018, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay chị K yêu cầu ly hôn anh T, Hội đồng

xét xử thấy: Mặc dù anh T không đến Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị K nhưng qua xác minh tại địa phương và lời khai của chị K cho thấy: Trong quá trình chung sống, do vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung về vun vén kinh tế cũng như chăm sóc con chung nên giữa chị K và anh T đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2022 đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt và không có bất kỳ động thái nào thể hiện mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh T không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K, xử cho chị K được ly hôn anh T là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về yêu cầu nuôi con khi ly hôn: Hội đồng xét xử thấy, hiện nay con chung của chị K và anh T là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 01/10/20xx và Nguyễn Cao Huy D, sinh ngày 12/9/20xx đều đang sống cùng chị K, chị K yêu cầu Tòa án tiếp tục giao cả 02 con chung cho chị nuôi dưỡng vì chị có đủ điều kiện nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của chị K và ghi nhận việc chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa án chia tài sản khi ly hôn, anh T không có ý kiến gì về tài sản, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về tài sản trong vụ án này.

[3] *Về án phí*: Chị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị K được ly hôn anh Nguyễn Cao T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nông Thị K trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 01/10/20xx và Nguyễn Cao Huy D, sinh ngày 12/9/20xx. Anh Nguyễn Cao T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị K và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Nông Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002044 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên sang tiền án phí, chị K đã thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND khu vực 7 - Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Đ;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thị Diệu Thúy